

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV CAO SU LỘC NINH

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT TRỒNG MỚI TÁI CANH CAO SU

SOẠN THẢO	XEM XÉT	PHÊ DUYỆT
PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ KỸ THUẬT	KT. TỔNG GIÁM ĐỐC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
		
Nguyễn Thị Thu Loan	Hồ Thị Thu An	Nguyễn Duy Tâm

TRANG KIỂM SOÁT VĂN BẢN

A. KIỂM SOÁT PHÂN PHỐI

STT	PHÒNG, ĐƠN VỊ ĐƯỢC PHÂN PHỐI	SỐ LƯỢNG
1	Ban Tổng Giám đốc	03
2	Hội đồng thành viên	05
3	Kiểm soát viên	03
4	Phòng Quản lý Kỹ thuật	01
5	Phòng Thị trường kinh doanh	01
6	Phòng Tài chính kế toán	01
7	Phòng Quản lý đầu tư và xây dựng	01
8	Phòng Tổ chức - Lao động tiền lương	01
9	Phòng pháp chế thanh tra - Bảo vệ	01
10	Văn phòng Công ty	01
11	Văn phòng Công đoàn	01
12	08 Đội trực thuộc	08

B. KIỂM SOÁT SỬA ĐỔI

Tóm tắt các thay đổi:

- Ban hành Lần 03 Quy định về hoạt động quản lý kỹ thuật trồng mới - tái canh cây cao su
- Lý do thay đổi: Bổ sung, điều chỉnh thêm các nội dung trong tài liệu này.
- Nội dung cập nhật sửa đổi:
 - + Phần A: Kiểm soát phân phối: Thay đổi cơ cấu tổ chức, trang 1/10; 2/10.
 - + Thay đổi mô hình quản lý từ ba cấp: Công ty – Nông trường – Tổ xuống còn hai cấp Công ty – Đội
 - + Phòng Quản lý chất lượng sát nhập vào phòng Thị trường kinh doanh theo Quyết định số 1638 ngày 27/11/2024 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Kế hoạch đầu tư đổi tên thành phòng Quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 837 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh
 - + Phòng Thanh tra bảo vệ quân sự đổi tên thành phòng Pháp chế thanh tra bảo vệ theo Quyết định số 836 ngày 15/05/2025 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV cao su Lộc Ninh

I. NHỮNG QUY ĐỊNH

1. Thuật ngữ viết tắt

- TĐCNCSVN : Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam
- CP : Cổ phần.
- KTCB : Kiến thiết cơ bản.
- KT : Kỹ thuật.
- QTKT : Quy trình kỹ thuật
- Đơn vị : Đơn vị trực thuộc.

2. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định về những hoạt động quản lý nhằm đảm bảo QTKT trồng, đảm bảo chu kỳ kiến thiết cơ bản vườn cây không vượt quá 8 năm (tùy theo từng hạng đất và phương pháp trồng).

Làm cơ sở cho việc khen thưởng kỷ luật, trả lương sản phẩm và sắp xếp lao động hợp lý cho vườn cây.

3. Tài liệu tham khảo

- Quy trình kỹ thuật cây cao su do Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam ban hành năm 2020.
- Hướng dẫn kỹ thuật sản xuất cao su bền vững do Tập Đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam ban hành năm 2019.

4. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các Nông trường trực thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Lộc Ninh.

5. Điều khoản thi hành

- Tất cả các đơn vị trồng, chăm sóc vườn cây tái canh, KTCB do Công ty quản lý phải áp dụng nghiêm túc các điều khoản được nêu trong Quy trình. Việc thực hiện các điều khoản, biện pháp kỹ thuật, sử dụng phân bón, vật tư, hoá chất không được nêu trong quy trình này phải được sự chấp thuận bằng văn bản.
- Lãnh đạo các đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp với ban Tổng Giám đốc Công ty về việc tổ chức thực hiện Quy trình. Các đơn vị thành viên có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện, đề xuất hoặc bổ sung các điều khoản được nêu trong Quy trình.
- Công ty có trách nhiệm tập huấn, giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện Quy trình tại đơn vị.

II. CÁC TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT CHỦ YẾU

1. Thời gian thiết kế cơ bản

- Đất trồng cao su được phân thành 3 hạng I, II và III. Tiêu chuẩn phân hạng đất trồng cao su theo vùng sinh thái được nêu trong Phụ lục 1.

– Thời gian kiến thiết cơ bản của lô cao su tính từ năm trồng được quy định tùy theo mức độ thích hợp của vùng đất canh tác, cụ thể như sau:

- + Vùng đất thích hợp hạng I: 6-7 năm
- + Vùng đất thích hợp hạng II: 7-8 năm
- + Vùng đất thích hợp hạng III: 8-9 năm

2. Tiêu chuẩn vườn cây năm thứ nhất

Vào thời điểm kiểm kê vườn cây cuối năm trồng, tỷ lệ cây ghép phải đạt:

– Trồng tum bầu hoặc bầu có tầng lá: cây sống trên 98% và trên 80% cây có 4 tầng lá trở lên.

– Trồng tum bầu có 4 - 5 tầng lá: cây sống trên 98% và trên 80% cây có chiều cao 2 m trở lên.

3. Tiêu chuẩn vanh thân hàng năm

– Vanh thân đo tại vị trí cách mặt đất 1,0 m vào thời điểm kiểm kê cuối năm phải đạt mức quy định ghi ở Bảng 1.

– Vườn cây hết thời gian kiến thiết cơ bản phải có tỷ lệ cây hữu hiệu đạt trên 90% mật độ thiết kế, trong đó có ít nhất 70% số cây đạt tiêu chuẩn mở cạo.

Bảng 1: Tiêu chuẩn vanh thân cây cuối năm

Hạng đất	Vanh thân qua các năm tuổi (cm) đo ở độ cao 1,0 m							
	2	3	4	5	6	7	8	9
Hạng I	13	23	32	41	50	Mở cạo	-	-
Hạng II	12	12	29	37	44	50	Mở cạo	-
Hạng III	11	18	26	32	39	45	50	Mở cạo

III. TRỒNG CAO SU

1. Dọn đất

Xử lý thực bì: Phát dọn cỏ dại, cây bụi, cưa hạ cây lớn, gom cành nhánh, gốc rễ ra bìa lô hoặc xếp theo đường đồng mức nếu đất dốc. Đất có cỏ tranh, le, cần sử dụng hóa chất phù hợp và được phép để diệt trước khi trồng.

Cày đất: Hạn chế cày xới đất, làm đất tối thiểu, phát dọn sạch theo hàng trồng. Đối với đất dốc, không cày đất mặt và không rà rẽ toàn diện tích, chỉ rà rẽ trên hàng trồng. Đối với đất ngập úng tạm thời hoặc cục bộ, không cày đất, chỉ rà rẽ trên hàng trồng và cần hoàn chỉnh các rãnh thoát nước trước khi trồng cao su. (Điều 27 – Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020).

2. Thiết kế lô trồng cao su

Nếu không trồng xen hoặc chỉ trồng xen trong ngắn hạn, thiết kế hàng đơn cho cây cao su như Bảng 1.

Bảng 2. Mật độ, khoảng cách và hàng trồng cao su phổ biến

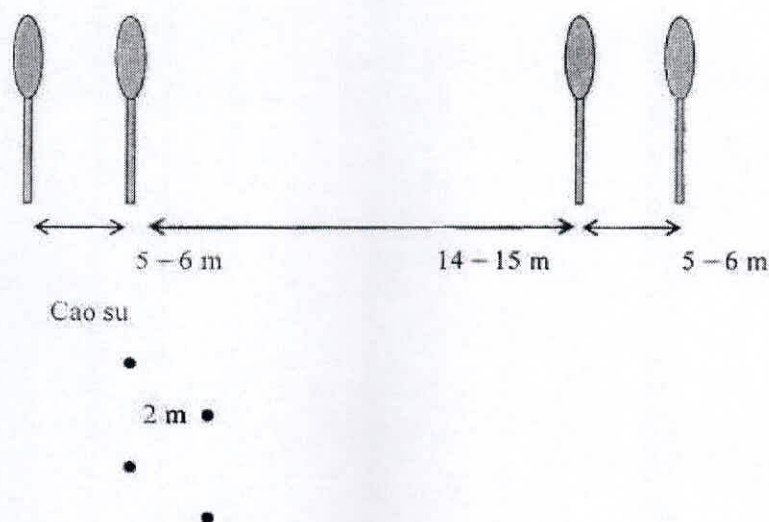
Loại đất	Mật độ (cây/ha)	Khoảng cách	Hướng hàng trồng
Đất bằng	555	6 m x 3 m	Bắc Nam, nếu có ngập úng, hàng hướng theo độ dốc đổ ra mương tiêu của lô.
	571	7 m x 2,5 m	Nếu vùng có ảnh hưởng của gió bão, chọn hướng ĐôngTây.
Đất dốc ($^{\circ}$)	571	7 m x 2,5 m	Theo đường đồng mức chủ đạo
5 – 15 $^{\circ}$			
Trên 15 $^{\circ}$	500	8 m x 2,5 m	

Trong trường hợp thiết kế mật độ trên 571 cây/ha, tùy địa hình thực tế có phương án bố trí khoảng cách phù hợp, tối đa 800 cây/ha theo Điều 28 Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020.

Nếu cần trồng xen trong dài hạn, thiết kế hàng kép tạo khoảng cách giữa hàng cho xen canh lâu dài nhưng vẫn đảm bảo mật độ cao su ≥ 500 cây/ha (Bảng 3).

Bảng 3. Các mật độ thiết kế hàng kép cho xen canh dài hạn

Mật độ cao su	Hàng kép cao su	Loại cây trồng xen	Hướng hàng
570 cây/ha	(9 x 5 x 2,5) m	Cây ngắn ngày	Trên đất bằng, hàng hướng Đông Tây. Trên hàng, trồng nanh sấu
530 cây/ha	(10 x 5 x 2,5) m	Cây ngắn ngày	
580 cây/ha	(12 x 5 x 2) m	Cây dài ngày, cây lâm nghiệp	
500 cây/ha	(15 x 5 x 2) m (14 x 6 x 2) m	Cây ngắn ngày, cây lâm nghiệp	

**Hình 1: Sơ đồ thiết kế lô cao su trồng hàng kép mật độ 500 cây/ha**

Ngoài ra Công ty thực hiện thiết kế theo mật độ ngoài quy trình trong trường hợp đặc biệt khi có chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.

3. Đào hố, bón lót (Điều 62 Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020)

– Hố trồng: sử dụng cơ giới hoặc thủ công đào hố tùy theo điều kiện của từng đơn vị. Khuyến khích sử dụng cây ngầm trước khi đào hố trồng.

+ Khoan hố bằng cơ giới: đường kính hố ≥ 60 cm, độ sâu ≥ 60 cm;

+ Múc hố bằng cơ giới: chiều rộng của gàu mức ≥ 60 cm và hố phải đảm bảo chiều sâu ≥ 60 cm. Khi mức hố thì lớp đất mặt của lần mức thứ nhất được để riêng sát miệng hố, lớp đất của các lần mức tiếp theo được nhấc lên và để lại trong hố;

+ Đào hố bằng thủ công: kích thước 60 cm x 60 cm x 60 cm, đáy hố 50 cm x 50 cm.

Khi đào thủ công phải để riêng lớp đất mặt và lớp đất đáy.

– Nơi trồng theo đường đồng mức: đào hố sát taluy dương;

– Bón lót: mỗi hố 300 g phân lân nung chảy, 5 - 10 kg phân hữu cơ hoai mục. Nếu sử dụng các dạng phân hữu cơ vi sinh để bón lót phải được sự đồng ý của Tập đoàn;

– Trộn phân lấp hố được thực hiện trước khi trồng ít nhất 15 ngày. Lấy lớp đất mặt lấp khoảng 1/2 hố, sau đó trộn đều phân hữu cơ, phân lân với lớp đất mặt xung quanh để lấp đầy hố; sau khi bón lót có thể dùng cây ngầm để phá vỡ thành hố. Cắm cọc ở giữa tâm hố để đánh dấu điểm trồng.

4. Thời vụ trồng

Trồng đúng thời vụ, chỉ trồng khi thời tiết thuận lợi, đất có đủ độ ẩm.

Thời vụ trồng phải kết thúc trước 31/7;

Các trường hợp trồng ngoài quy định trên, phải được sự thẩm định và phê duyệt của Tập đoàn.

5. Giống cao su

Tuân thủ đúng theo cơ cấu giống từng giai đoạn do Tập đoàn ban hành. Mỗi lô trồng một giống, không trồng liền vùng quá 200 ha cho một giống.

+ Tiểu vùng A (yếu tố hạn chế chính là bệnh *Corynespora*, phấn trắng và rụng lá mùa mưa): RRIV 209, RRIV 106, RRIV 114, RRIV 1, PB 255.

+ Tiểu vùng B (đất kém, thiếu hụt nước trong mùa khô, thoát nước kém trong mùa mưa; bệnh *Corynespora*, phấn trắng, rụng lá mùa mưa): RRIV 209, RRIV 106, RRIV 103.

+ Tiểu vùng C (lượng mưa thấp (1.200 mm/năm), đất kém, tầng đất mỏng, mùa khô kéo dài, gió mạnh; bệnh *Corynespora*, phấn trắng, rụng lá mùa mưa): RRIV 209, RRIV 106, RRIV 103.

6. Tiêu chuẩn cây giống

– Tum bầu có tầng lá: Chồi ghép có ít nhất 1 tầng lá ổn định và khỏe; bầu đất không bị bể, cây không bị long gốc.

- Bầu cắt ngọn: Đường kính đo cách mặt đất (cổ rễ) 10 cm đạt 10 mm, mắt ghép sống; bầu đất không bị bể, cây không bị long gốc.
- Bầu có tầng lá: Bầu có tầng lá trên cùng ổn định và khỏe; bầu đất không bị bể, cây không bị long gốc

7. Trồng bầu cắt ngọn và bầu có tầng lá (Điều 64 Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020)

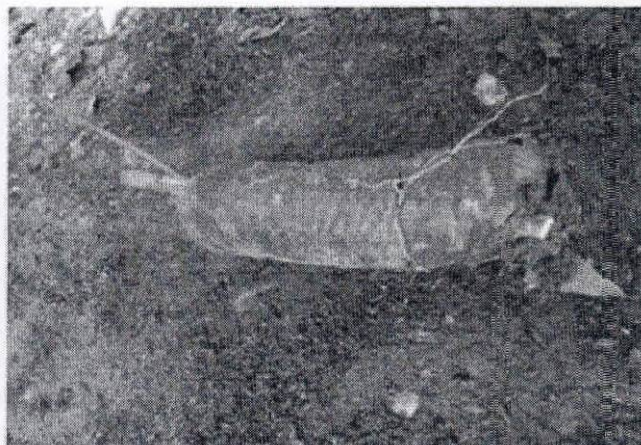
- Trước khi trồng cần dọn sạch cỏ, rễ cây... xung quanh hố, sau đó dùng cuốc móc đất ngay điểm trồng trong hố vừa lớn hơn bầu đất và sâu tương ứng với chiều cao bầu.
- Dùng dao bén (sắc) cắt sát đáy bầu và phần rễ cọc nhú ra khỏi bầu. Trường hợp rễ cọc bị xoắn ở trong bầu thì phải cắt hết phần rễ xoắn.
- Đặt bầu vào hố cho thẳng đứng, mắt ghép quay về hướng gió chính, mí dưới mắt ghép ngang với mặt đất.
- Rạch bầu PE theo đường thẳng đứng rồi kéo nhẹ túi bầu lên. Kéo túi bầu tới đâu thì lấp đất để nén chặt bầu tới đó. Chú ý không làm bể bầu.

8. Trồng tum bầu có tầng lá

- Trước khi trồng cần dọn sạch cỏ, rễ cây quanh hố. Sau đó dùng cuốc móc đất ngay điểm trồng tạo hố trồng vừa lớn hơn bầu đất và sâu tương ứng với chiều cao bầu.
- Khi cắt đáy bầu tránh phạm vào rễ cọc tum (rễ gốc tum cắm). Đặt bầu thẳng đứng, mắt ghép quay về hướng gió chính, mí dưới mắt ghép ngang với mặt đất. Rạch túi bầu PE theo đường thẳng đứng từ dưới lên, vừa lấp đất vừa kéo túi bầu và dặm quanh đến khi đầy hố.
- Không dặm sát góc để tránh bể bầu đất. Sau cùng, xới đất tạo bồn quanh góc, phủ đất ngang mí dưới mắt ghép (Hình 1a, 1b và 1c).
- Nếu trồng bầu có tầng lá trên đất dốc, nên trồng sâu cách mặt đất 5 cm để tránh xói mòn và hiện tượng chân voi. Với cây con có 4 - 5 tầng lá, sử dụng cây chống để tránh ngã, đổ sau khi trồng.



Hình 1a: Cắt rễ



Hình 1a: Cắt đáy bầu



Hình 1b: Vừa lấp đất vừa kéo túi bầu



Hình 1c: Lấp đất và hoàn tất trồng

9. Trồng dặm (Điều 65 Quy trình kỹ thuật cây cao su năm 2020)

- Trồng dặm định hình vườn cây ngay trong năm thứ nhất, chậm nhất là năm thứ hai. Trồng dặm bằng cây con đúng giống và có mức phát triển tương đương với cây trên vườn;
- Trồng dặm trong năm thứ nhất:
 - + Đối với vườn trồng bầu có tầng lá, trồng dặm cây chết 20 ngày sau khi trồng. Dùng bầu có 2 - 3 tầng lá ổn định để trồng dặm;
 - + Số lượng cây giống cần được chuẩn bị để trồng dặm so với số lượng cây tái canh trong năm thứ nhất là <10% đối với trồng bầu có tầng lá.
- Trồng dặm trong năm thứ hai:

- Trồng dặm bằng bầu có trên 3 tầng lá. Nếu có điều kiện, khuyến khích trồng dặm bằng core tum từ năm thứ hai, Số lượng cây trồng dặm được chuẩn bị theo kết quả kiểm kê cuối năm thứ nhất, tối đa là 5%.

Phụ lục 1: Phân hạng đất trồng cao su

1. Quy định lấy mẫu phẫu diện để phân hạng đất trồng cao su

Tùy theo địa hình và độ đồng nhất của khu vực dự kiến trồng cao su, tiến hành khảo sát lấy mẫu phẫu diện đất các tầng ở độ sâu 0 – 150 cm.

Đất bằng: Tối đa 20 – 25 ha/phẫu diện.

Đất dốc: Tối đa 10 – 15 ha/phẫu diện.

2. Mức độ giới hạn của các yếu tố đất đai

Đất trồng cao su được phân hạng dựa vào bảy yếu tố chủ yếu gồm: độ sâu tầng đất, thành phần cơ giới, mức độ lầy kết von hoặc đá sỏi trong tầng đất trồng, độ chua đất, hàm lượng mùn, chiều sâu mực nước ngầm và độ dốc. Mỗi yếu tố có ảnh hưởng hạn chế sinh trưởng và sản lượng mủ cao su theo 5 mức độ giới hạn tăng dần là 0, 1, 2, 3 và 4.

3. Phân hạng đất trồng cao su

- Căn cứ vào mức độ giới hạn của các yếu tố nêu trên, đất trồng cao su được phân hạng như sau:

- + I: chỉ có yếu tố ở mức độ giới hạn loại 0 và 1;
- + II: có từ một yếu tố ở mức độ giới hạn loại 2;
- + III: có từ một yếu tố ở mức độ giới hạn loại 3;
- + IV: có từ một yếu tố ở mức độ giới hạn loại 4.

- Chỉ cho phép trồng cao su trên các hạng đất I, II và III (tương đương hạng S₁, S₂, S₃ theo phân hạng của FAO). Hiệu quả kinh tế rất thấp khi trồng cao su trên đất hạng IV (tương đương hạng N₁, N₂ theo phân hạng của FAO, như đất rừng khộp điển hình, đất than bùn, đất ngập úng quanh năm).

4. Phân hạng vùng khí hậu trồng cao su

- Cao su sinh trưởng tối ưu trong điều kiện lượng mưa >1.800 mm/năm, mùa khô <5 tháng, tổng lượng bốc thoát hơi nước mùa khô <500 mm, số ngày có sương mù <20 ngày/năm, nhiệt độ không khí bình quân >25°C, nhiệt độ tối cao 30 - 32°C, nhiệt độ tối thấp >20°C;

- Vùng khí hậu không thích hợp trồng cao su khi có một trong các hạn chế sau: lượng mưa <1.200 mm/năm, mùa khô >7 tháng, hoặc số ngày có sương mù >80 ngày/năm;

- Đối với các vùng đã trồng cao su có cao trình >600 m thuộc miền núi phía Bắc và >700 m tại các khu vực còn lại, hoặc các vùng khí hậu kém thuận lợi bởi các yếu tố như bão, gió Lào, nhiệt độ thấp... thì thời gian KTCB được kéo dài thêm 1-2 năm. Tập đoàn sẽ có quyết định điều chỉnh bằng văn bản.

Chỉ tiêu	Các yếu tố giới hạn	Mức độ giới hạn				
		0	1	2	3	4
1	Độ sâu tầng đất (cm)	> 200	150 - 200	120 - 150	100 - 120	< 100
2	Thành phần cơ giới*	S, Spt	Spc, Tps, Tpsm, Tpsc	T, Trm, Tm	Tpc	C, Cpt
3	Kết von, đá sỏi (% thể tích)	< 10	10 - 30	30 - 50	50 - 60	> 60
4	Độ chua đất (pH nước)	4,5 - 5,0	5,0 - 5,5 hoặc 4,0 - 4,5	5,5 - 6,5 hoặc 3,5 - 4,0	> 6,5 hoặc < 3,5	-
5	Hàm lượng mùn tầng đất 0-30 cm (%)	> 4	2,5 - 4	1 - 2,5	< 1	-
6	Chiều sâu nước ngầm (cm)	> 200	150 - 200	100 - 150	70 - 100	< 70
7	Độ dốc (độ)	< 5	5 - 10	10 - 15	15 - 30	> 30

Tham khảo Quy trình kỹ thuật cây cao su do Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ban hành năm 2020.